

**NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL
VỀ CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG ÔZÔN**

đã được điều chỉnh và bổ sung tại

London 1990

Copenhagen 1992

Vienna 1995

Montreal 1997

Bắc Kinh 1999

**THE MONTREAL PROTOCOL ON SUBSTANCES
THAT DEplete THE OZONE LAYER
as either adjusted and amended in**

London 1990

Copenhagen 1992

Vienna 1995

Montreal 1997

Beijing 1999

LỜI NÓI ĐẦU

Công ước Vienna về bảo vệ tầng ôzôn (1985) và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn (1987) đã và đang được ghi nhận là một thành công của cộng đồng quốc tế trong việc chống lại một thảm họa môi trường toàn cầu do tầng ôzôn bình lưu bị phá huỷ gây nên. Đến nay, đã có hơn 180 quốc gia phê chuẩn điều ước quốc tế này nhằm bảo vệ tầng ôzôn - bảo vệ sự sống trên Trái đất.

Cho đến nay, Nghị định thư Montreal đã được sửa đổi, bổ sung 5 lần tại cuộc họp các Bên nhằm tăng cường hiệu lực của Nghị định thư.

Việt Nam chính thức phê chuẩn và tham gia điều ước quốc tế này từ tháng Giêng năm 1994.

Nhằm mục đích cung cấp thông tin cho bạn đọc, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Hợp tác Quốc tế) đã dịch và tái bản văn kiện Nghị định thư Montreal theo những sửa đổi, bổ sung mới nhất được cập nhật tháng 3-2000.

Việc dịch thuật có thể còn có thiếu sót, Vụ Hợp tác Quốc tế mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	5
Điều 1: Các định nghĩa	7
Điều 2: Biện pháp kiểm soát	8
Điều 2A: Các chất CFC	12
Điều 2B: Các chất Halon.....	16
Điều 2C: Các chất CFC khác được halogen hoá hoàn toàn	18
Điều 2D: Carbon tetrachloride.....	21
Điều 2E: 1.1.1-Trichloroethane (Methyl chloroform)	22
Điều 2F: Các chất Hydrochlorofluorocarbon.....	24
Điều 2G: Các chất Hydrobromofluorocarbon	27
Điều 2H: Methyl bromide.....	28
Điều 2I: Bromochloromethane	31
Điều 3: Tính toán các mức kiểm soát	32
Điều 4: Kiểm soát việc buôn bán với các quốc gia không là các Bên của Nghị định thư	33
Điều 4A: Kiểm soát việc buôn bán với các Bên	39
Điều 4B: Hệ thống giấy phép	30
Điều 5: Tình trạng đặc biệt của các nước đang phát triển	40
Điều 6: Đánh giá và kiểm điểm các biện pháp kiểm soát.....	48
Điều 7: Báo cáo số liệu.....	49
Điều 8: Sự không tuân thủ	51
Điều 9: Nghiên cứu, triển khai, nhận thức xã hội và trao đổi thông tin	51
Điều 10: Cơ chế tài chính.....	52
Điều 10A: Chuyển giao công nghệ	56
Điều 11: Cuộc họp các Bên	57
Điều 12: Ban thư ký	60
Điều 13: Cung cấp tài chính.....	61
Điều 14: Mối quan hệ của Nghị định thư này với Công ước	61
Điều 15: Ký kết	61
Điều 16: Hiệu lực thi hành	62
Điều 17: Các Bên tham gia sau khi có hiệu lực.....	63
Điều 18: Những bảo lưu.....	63
Điều 19: Xin ra	63
Điều 20: Các văn bản xác thực.....	64
Phụ lục A: Các chất bị kiểm soát.....	65
Phụ lục B: Các chất bị kiểm soát.....	66
Phụ lục C: Các chất bị kiểm soát.....	67
Phụ lục D: Danh sách các sản phẩm chứa các chất bị kiểm soát nêu trong phụ lục A ...	73
Phụ lục E: Các chất bị kiểm soát.....	74

NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL VỀ CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG ÔZÔN

LỜI MỞ ĐẦU

Các Bên tham gia Nghị định thư này,

Là các Bên tham gia Công ước Vienna về bảo vệ tầng ôzôn,

Lo lắng về nghĩa vụ của mình theo Công ước phải có những biện pháp thích hợp bảo vệ sức khoẻ con người và môi trường, chống lại những ảnh hưởng có hại do hoặc có thể do hoạt động của con người làm thay đổi tầng ôzôn,

Nhận thấy rằng sự phát thải một số chất trên toàn thế giới có thể làm suy giảm đáng kể và mặt khác làm biến đổi tầng ôzôn, theo hướng dễ gây nên những ảnh hưởng có hại đối với sức khoẻ con người và môi trường,

Ý thức được những ảnh hưởng tiềm tàng của sự phát thải các chất đó tới khí hậu,

Nhận thức rằng các biện pháp bảo vệ tầng ôzôn khỏi bị suy giảm cần phải dựa trên kiến thức khoa học liên quan, có tính đến các mặt kỹ thuật và kinh tế,

Quyết tâm bảo vệ tầng ôzôn bằng cách thực hiện những biện pháp phòng ngừa để kiểm soát một cách công bằng tổng lượng phát thải toàn cầu của các chất làm suy giảm nó, với mục tiêu cuối cùng là triệt bỏ chúng trên cơ sở phát triển kiến thức khoa học, có tính đến các mặt kỹ thuật và kinh tế và có chú ý đến nhu cầu phát triển của các nước đang phát triển,

Thừa nhận rằng cần có sự chuẩn bị đặc biệt để đáp ứng nhu cầu của các nước đang phát triển, kể cả sự chuẩn bị về các nguồn tài chính bổ sung và sự tiếp cận tới các công nghệ liên quan, lưu tâm rằng độ lớn của các quỹ cần thiết là có giới hạn và các quỹ có thể gây ra sự khác biệt đáng kể trong khả năng của thế giới giải quyết vấn đề suy giảm tầng ôzôn và những ảnh hưởng có hại của nó,

Ghi nhận những biện pháp phòng ngừa nhằm kiểm soát sự phát thải một số chất clorofluorocacbon đã được thực hiện ở các cấp quốc gia và khu vực,

Xét thấy tầm quan trọng của việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu, triển khai và chuyển giao công nghệ thay thế liên quan tới việc kiểm soát và giảm bớt sự phát thải các chất làm suy giảm tầng ôzôn, lưu tâm đặc biệt đến nhu cầu của các nước đang phát triển,

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA

Nhằm mục đích của Nghị định thư này,

1. “Công ước” tức là Công ước Vienna về bảo vệ tầng ôzôn, được thông qua ngày 22 tháng 3 năm 1985.
2. “Các Bên” nghĩa là các Bên tham gia Nghị định thư này, trừ trường hợp văn bản có giải nghĩa khác.
3. “Ban Thư ký” tức là Ban Thư ký của Công ước.
4. “Chất bị kiểm soát” nghĩa là chất ở Phụ lục A, Phụ lục B, Phụ lục C hoặc Phụ lục E kèm theo Nghị định thư này, dù là tồn tại riêng hoặc trong hợp chất. Chất bị kiểm soát bao gồm cả các đồng phân của bất kỳ chất nào, trừ những chất được xác định cụ thể ở Phụ lục liên quan, nhưng loại trừ bất kỳ chất bị kiểm soát hoặc hỗn hợp nào có trong chế phẩm không phải là contenơ dùng để vận chuyển hoặc cất giữ chất đó.
5. “Sản xuất” nghĩa là lượng chất bị kiểm soát đã được sản xuất trừ lượng đã được huỷ bằng các công nghệ được các Bên chấp thuận và trừ đi lượng được sử dụng hoàn toàn như là nguyên liệu trong việc chế biến các hoá chất khác. Lượng được tái sử dụng không được xem là “sản xuất”.
6. “Tiêu thụ” nghĩa là sản xuất cộng nhập khẩu trừ đi xuất khẩu các chất bị kiểm soát.

7. “Mức tính toán” về sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu và tiêu dùng nghĩa là mức được xác định phù hợp với Điều 3.
8. “Hợp lý hoá công nghiệp” nghĩa là sự chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần mức tính toán về sản xuất của một Bên cho Bên khác, nhằm mục đích đạt được hiệu quả kinh tế hoặc đáp ứng sự thiếu hụt thấy trước về cung do việc đóng cửa nhà máy.

ĐIỀU 2: BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT

1. Được kết hợp trong Điều 2A.
2. Được thay thế bằng Điều 2B.
3. Được thay thế bằng Điều 2A.
4. Được thay thế bằng Điều 2A
5. Bên bất kỳ có thể, trong một hoặc nhiều thời kỳ kiểm soát, nhượng cho Bên khác một phần bất kỳ mức tính toán về sản xuất của mình được nêu trong các Điều 2A đến 2F và Điều 2H miễn là tổng lượng các mức tính toán kết hợp về sản xuất của các Bên liên quan đối với nhóm bất kỳ các chất bị kiểm soát không vượt quá giới hạn sản xuất được nêu trong các Điều trên đối với nhóm đó. Sự chuyển nhượng sản xuất như vậy phải được mỗi Bên liên quan thông báo cho Ban thư ký, nêu rõ điều kiện của sự chuyển nhượng và thời hạn áp dụng.

- 5 *bis*. Bên bất kỳ không hoạt động theo mục 1 của Điều 5 có thể trong một hoặc nhiều thời kỳ kiểm soát, chuyển giao cho Bên bất kỳ khác như vậy một phần bất kỳ mức tính toán về tiêu thụ nêu trong Điều 2F, miễn là mức tính toán đó về tiêu thụ các chất bị kiểm soát ở nhóm I của Phụ lục A của Bên chuyển giao một phần mức tính toán về tiêu thụ của mình không vượt quá 0,25 kilôgam trên đầu người trong năm 1989 và tổng lượng các mức tính toán kết hợp về tiêu thụ của các Bên liên quan không vượt quá các giới hạn tiêu thụ nêu trong Điều 2F. Sự chuyển giao tiêu thụ như vậy phải được mỗi Bên liên quan thông báo cho Ban thư ký, nêu rõ điều kiện của sự chuyển giao và thời kỳ được áp dụng.
6. Bên bất kỳ không hoạt động theo Điều 5, mà có các cơ sở sản xuất các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A hoặc Phụ lục B đang được xây dựng hoặc đã được ký hợp đồng, trước 16 tháng 9 năm 1987, và đã được qui định trong luật pháp quốc gia trước 1 tháng 1 năm 1987, có thể cộng thêm sản lượng từ các cơ sở đó vào sản xuất năm 1986 của mình về các chất như vậy nhằm mục đích xác định mức tính toán về sản lượng của mình cho năm 1986, miễn là các cơ sở đó được hoàn tất vào 31 tháng 12 năm 1990 và sản xuất đó không làm tăng mức tính toán hàng năm về tiêu thụ các chất bị kiểm soát của Bên đó quá 0,5 kilôgam trên đầu người.

7. Mọi chuyển giao sản xuất theo mục 5 hoặc mọi bổ sung sản lượng theo mục 6 phải được thông báo cho Ban thư ký, không muộn hơn thời điểm chuyển nhượng hoặc bổ sung.
8. a) Các Bên bất kỳ là nước thành viên của một tổ chức liên kết kinh tế khu vực như được định rõ ở Điều 1 (6) của Công ước có thể thoả thuận rằng họ sẽ cùng chung thực hiện nghĩa vụ của họ về tiêu thụ theo Điều này và các Điều 2A đến 2I miễn là tổng lượng mức tính toán kết hợp về tiêu dùng của họ không vượt quá mức mà Điều này và các Điều 2A đến 2I yêu cầu.
- b) Các Bên tham gia vào bất kỳ sự thoả thuận như vậy phải thông báo cho Ban thư ký những điều kiện của thoả thuận trước ngày cắt giảm tiêu thụ mà thoả thuận đó liên quan tới.
- c) Thoả thuận như vậy sẽ chỉ đi vào hoạt động nếu tất cả các nước thành viên của tổ chức liên kết kinh tế khu vực và tổ chức liên quan là các Bên tham gia Nghị định thư này và đã thông báo cho Ban thư ký về cách thực hiện của họ.
9. a) Dựa trên sự đánh giá được thực hiện theo Điều 6, các Bên có thể quyết định xem liệu:

- i) Những điều chỉnh đối với những tiềm năng phá huỷ ôzôn được nêu cụ thể trong Phụ lục A, Phụ lục B, Phụ lục C, và/hoặc Phụ lục E có cần thiết không, nếu có, những điều chỉnh đó phải là thế nào; và
 - ii) Việc tiếp tục điều chỉnh và cắt giảm sản xuất hoặc tiêu thụ các chất bị kiểm soát có cần thiết không và, nếu có, phạm vi, số lượng và thời hạn của sự điều chỉnh và cắt giảm như vậy phải là thế nào;
- b) Những đề nghị về điều chỉnh như vậy sẽ được Ban thư ký thông báo cho các Bên ít nhất là 6 tháng trước cuộc họp các Bên tại đó chúng được đề nghị thông qua;
- c) Trong việc ra những quyết định như vậy, các Bên sẽ hết sức cố gắng đạt tới sự thoả thuận nhất trí. Nếu đã cố gắng hết mức nhằm đạt tới sự nhất trí mà không đi đến thoả thuận nào, thì cuối cùng những quyết định đó sẽ được thông qua bằng đa số phiếu hai phần ba của các Bên có mặt và bỏ phiếu đại diện cho đa số của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 có mặt và bỏ phiếu và đa số của các Bên không hoạt động như vậy có mặt và bỏ phiếu.

- d) Những quyết định là bắt buộc đối với tất cả các Bên sẽ được Phòng lưu chiếu thông báo tức thời cho các Bên. Trừ khi được qui định khác trong các quyết định, chúng sẽ có hiệu lực khi hết 6 tháng kể từ ngày Phòng lưu chiếu cho lưu hành thông báo.
10. Dựa trên sự đánh giá được thực hiện theo Điều 6 của Nghị định thư này và phù hợp với thủ tục được nêu trong Điều 9 của Công ước, các Bên có thể quyết định:
- a) Xem liệu có bất kỳ chất nào, và nếu vậy là chất gì, cần phải được bổ sung hoặc loại bỏ khỏi Phụ lục bất kỳ của Nghị định thư này không; và
 - b) Cơ chế, phạm vi và thời hạn của các biện pháp kiểm soát được áp dụng đối với các chất đó.
11. Mặc dù có những điều khoản nằm trong Điều này và các Điều 2A đến 2I, các Bên có thể thi hành những biện pháp chặt chẽ hơn so với những biện pháp mà Điều này và các Điều 2A đến 2I yêu cầu.

ĐIỀU 2A: CÁC CHẤT CFC

1. Mỗi Bên đảm bảo rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng thứ bảy tiếp sau ngày có hiệu lực của Nghị định thư này, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán về

tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục A không vượt quá mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1986. Vào cuối của cùng thời kỳ đó, mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều chất đó đảm bảo rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó không vượt quá mức tính toán về sản xuất của mình trong năm 1986, ngoại trừ mức đó có thể được tăng lên không quá mười phần trăm dựa trên mức năm 1986. Sự tăng đó chỉ được phép nhằm để thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo Điều 5 và nhằm mục đích hợp lý hoá công nghiệp giữa các Bên.

2. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ từ 1 tháng 7 năm 1991 đến 31 tháng 12 năm 1992 mức tính toán của mình về tiêu thụ và sản xuất các chất bị kiểm soát ở Nhóm I của Phụ lục A không vượt quá 150 phần trăm mức tính toán của mình về sản xuất và tiêu thụ các chất đó trong năm 1986, với hiệu lực từ 1 tháng Giêng năm 1993, thời kỳ kiểm soát mười hai tháng đối với các chất này sẽ bắt đầu từ 1 tháng Giêng đến 31 tháng 12 hàng năm.
3. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1994, và trong từng thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục A không vượt quá hàng năm, 25 phần trăm mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1986. Mỗi bên sản xuất một hoặc nhiều

các chất đó bảo đảm trong cùng thời kỳ đó rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó không vượt quá, hàng năm, 25 phần trăm mức tính toán về sản xuất của mình năm 1986. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó cho tới mười phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1986.

4. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1996, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục A không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều các chất đó bảo đảm trong cùng thời kỳ đó rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó không vượt quá số không. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó tới khối lượng tương đương với mức trung bình hàng năm của sản xuất các chất bị kiểm soát trong Nhóm I Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản trong thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1997. Mục này được áp dụng cho tới mức độ mà các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết để thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ bản.

5. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2003, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về sản xuất các chất bị kiểm soát trong nhóm I của Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Phụ lục 5 không vượt quá 80 phần trăm mức trung bình hàng năm của sản xuất các chất đó để đáp ứng nhu cầu nội địa cho thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1997.
6. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2010 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về sản xuất các chất bị kiểm soát trong nhóm I của Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Phụ lục 5 không vượt quá 50 phần trăm trung bình hàng năm mức sản xuất của các chất đó để đáp ứng nhu cầu nội địa cho thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1997.
7. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2007 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về sản xuất các chất bị kiểm soát trong nhóm I của Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Phụ lục 5 không vượt quá 15 phần trăm trung bình hàng năm của mức sản xuất các chất đó để đáp

ứng nhu cầu nội địa cho thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1997.

8. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2005 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về sản xuất các chất bị kiểm soát trong nhóm I của Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Phụ lục 5 không vượt quá số không.
9. Nhằm mục đích tính toán nhu cầu nội địa cơ bản theo các mục từ 4 đến 8 của Điều này, việc tính toán mức sản xuất trung bình hàng năm của nước thành viên bao gồm bất kỳ quyền sản xuất nào đã được chuyển giao theo mục 5 của Điều 2, và trừ đi bất kỳ quyền sản xuất nào đã miễn trừ theo mục 5 của Điều 2.

ĐIỀU 2B: CÁC CHẤT HALON

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1992, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong nhóm II của Phụ lục A hàng năm không vượt quá mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1986. Mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó không vượt quá

hàng năm, mức tính toán về sản xuất của mình trong năm 1986. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó cho tới mười phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1986.

2. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1994, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục A không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều các chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ đó, rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó không vượt quá số không. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, cho đến ngày 1 tháng Giêng năm 2002 mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười lăm phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1986; sau đó, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó tới khối lượng tương đương với mức trung bình hàng năm của mức sản xuất các chất bị kiểm soát trong Nhóm II Phụ lục A của các nước này để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản trong thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1997. Mục này sẽ được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho

phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết để thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ sở.

3. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2005, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 không vượt quá năm mươi phần trăm trung bình hàng năm của mức sản xuất các chất này để đáp ứng cho nhu cầu nội địa cơ bản cho thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1997.
4. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2010, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục A để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 không vượt quá số không.

ĐIỀU 2C: CÁC CHẤT CFC KHÁC ĐƯỢC HALOGEN HOÁ HOÀN TOÀN

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1993, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát

trong Nhóm I của Phụ lục B hàng năm không vượt quá tám mươi phần trăm mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1989. Mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều các chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó hàng năm không vượt quá tám mươi phần trăm mức tính toán về sản xuất của mình trong năm 1989. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989.

2. Mỗi Bên đảm bảo rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1994, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục B hàng năm không vượt quá hai mươi lăm phần trăm mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1989. Mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều chất đó bảo đảm, trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó hàng năm không vượt quá hai mươi lăm phần trăm mức tính toán về sản xuất của mình trong năm 1989. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười phần

trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989.

3. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ 12 tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1996, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục B không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất một hoặc nhiều chất đó bảo đảm, trong cùng những thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó không vượt quá số không. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, cho đến ngày 1 tháng Giêng năm 2003 mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười lăm phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989; sau đó, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó tới khối lượng tương đương với tám mươi phần trăm mức trung bình hàng năm của mức sản xuất các chất bị kiểm soát trong Nhóm I Phụ lục B của các nước này để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản trong thời kỳ liên tiếp từ 1998 đến 2000. Mục này sẽ được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết để thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ sở.
4. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2007, và trong

mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục B để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 không vượt quá mười lăm phần trăm của mức sản xuất trung bình hàng năm của chất bị kiểm soát đó của nước đó nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa cho thời kỳ liên tiếp từ 1998 đến 2000.

5. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2010, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục B để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 không vượt quá số không.

ĐIỀU 2D: CARBON TETRACHLORIDE

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1995, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục B hàng năm không vượt quá mười lăm phần trăm mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1989. Mỗi Bên sản xuất chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ đó, rằng mức tính toán của mình về sản xuất các chất đó hàng năm không vượt quá mười lăm phần trăm mức tính toán về sản xuất của mình trong năm

1989. Tuy nhiên, nhằm thoả mãn những nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989.

2. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1996, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất được kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục B không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất chất đó không vượt quá số không. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười lăm phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989. Mục này được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết để thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ bản.

ĐIỀU 2E: 1.1.1-TRICHLOROETHANE (METHYL CHLOROFRM)

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1993, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất bị kiểm soát trong Nhóm III của Phụ lục B hàng năm không vượt quá mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm

1989. Mỗi Bên sản xuất chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất chất đó hàng năm không vượt quá mức tính toán về sản xuất của mình trong năm 1989. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989.

2. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng giêng năm 1994, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất bị kiểm soát trong Nhóm III của Phụ lục B hàng năm không vượt quá năm mươi phần trăm mức tính toán về tiêu thụ của mình trong năm 1989. Mỗi Bên sản xuất chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất chất đó hàng năm, không vượt quá năm mươi phần trăm mức tính toán về sản xuất của mình trong năm 1989. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989.
3. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1996, và trong

mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm III của Phụ lục B không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất chất đó, bảo đảm trong cùng thời kỳ, rằng mức tính toán của mình về sản xuất chất đó không vượt quá số không. Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó, cho tới mười lăm phần trăm mức tính toán về sản xuất của họ trong năm 1989. Mục này được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết để thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ bản.

ĐIỀU 2F: CÁC CHẤT HYDROCHLOROFUOROCARBON

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1996, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm, không vượt quá tổng lượng của:
 - a) 2,8 phần trăm mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong nhóm I của Phụ lục A trong năm 1989; và

- b) Mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C trong năm 1989.
2. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2004 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm, không vượt quá sáu mươi lăm phần trăm của tổng lượng được nói tới ở mục 1 của Điều này.
 3. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2010 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm không vượt quá ba mươi lăm phần trăm của tổng lượng được nói tới ở mục 1 của Điều này.
 4. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2015 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm không vượt quá mười phần trăm của tổng lượng được nói tới ở mục 1 của Điều này.
 5. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2020 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán

- của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm không vượt quá 0,5 phần trăm của tổng lượng được nói tới ở mục 1 của Điều này. Tuy nhiên, sự tiêu thụ như vậy sẽ bị hạn chế trong dịch vụ thiết bị làm lạnh và điều hoà nhiệt độ tồn tại ở ngày đó.
6. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2030 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C không vượt quá số không.
 7. Từ 1 tháng Giêng 1996, mỗi Bên cố gắng bảo đảm rằng:
 - a) Việc sử dụng các chất bị kiểm soát ở Nhóm I của Phụ lục C được giới hạn trong những trường hợp áp dụng mà các chất hoặc công nghệ lựa chọn thay thế thích hợp về mặt môi trường không sẵn có;
 - b) Việc sử dụng các chất bị kiểm soát ở Nhóm I của Phụ lục C không nằm ngoài các lĩnh vực áp dụng hiện nay đang được đáp ứng bằng các chất được kiểm soát ở các Phụ lục A, B, và C trừ trong những trường hợp hiếm hoi để bảo vệ cuộc sống hay sức khoẻ con người; và
 - c) Các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C được lựa chọn để sử dụng theo cách sao cho

giảm đến mức tối thiểu sự phá huỷ ôzôn, ngoài việc đáp ứng các mặt môi trường, an toàn và kinh tế khác.

8. Mỗi Bên sản xuất một hay nhiều hơn các chất đó bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2004 và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về sản xuất các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm không vượt quá mức trung bình của:

- a) Tổng mức tính toán của mình về tiêu thụ trong năm 1989 các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C và 2,8% của mức tính toán của mình về tiêu thụ trong năm 1989 các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục A; và
- b) Tổng mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1989 các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C và 2,8% của mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1989 các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục A.

Tuy nhiên, nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu nội địa của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán về sản xuất của họ có thể vượt quá giới hạn đó cho tới mười lăm phần trăm mức tính toán của họ về sản xuất các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C như định nghĩa ở trên.

ĐIỀU 26: CÁC CHẤT HYDROBROMOFLUOROCARBON

Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1996, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục C không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất các chất đó, trong cùng thời kỳ, bảo đảm rằng mức tính toán của họ về sản xuất các chất đó không vượt quá số không. Mục này được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ bản.

ĐIỀU 2H: METHYL BROMIDE

1. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1995 và mỗi thời kỳ 12 tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Phụ lục E hàng năm, không vượt quá mức tính toán của mình về tiêu thụ trong năm 1991. Mỗi Bên sản xuất chất đó, trong cùng thời kỳ đó, bảo đảm rằng mức tính toán của họ về sản xuất các chất đó hàng năm, không vượt quá mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1991. Tuy nhiên, để thoả mãn những nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 Điều 5, mức tính toán của họ về sản xuất có thể vượt quá giới hạn đó, tới mười phần

trăm của mức tính toán của họ về sản xuất trong năm 1991.

2. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1999 và mỗi thời kỳ 12 tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất bị kiểm soát trong Phụ lục E hàng năm, không vượt quá bảy mươi lăm phần trăm của mức tính toán của mình về tiêu thụ trong năm 1991. Mỗi Bên sản xuất chất đó, trong cùng thời kỳ, bảo đảm mức tính toán của mình về sản xuất chất đó hàng năm, không vượt quá bảy mươi lăm phần trăm của mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1991. Tuy nhiên, để thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán của họ về sản xuất có thể vượt quá giới hạn đó đến mười phần trăm mức tính toán của họ về sản xuất trong năm 1991.
3. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2001 và mỗi thời kỳ 12 tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất bị kiểm soát trong Phụ lục E hàng năm, không vượt quá năm mươi phần trăm của mức tính toán của mình về tiêu thụ trong năm 1991. Mỗi Bên sản xuất chất đó, trong cùng thời kỳ, bảo đảm mức tính toán của mình về sản xuất chất đó hàng năm, không vượt quá năm mươi phần trăm của mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1991. Tuy nhiên, để thoả mãn nhu cầu nội địa cơ

bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán của họ về sản xuất có thể vượt quá giới hạn đó đến mười phần trăm mức tính toán của họ về sản xuất trong năm 1991.

4. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2003 và mỗi thời kỳ 12 tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất bị kiểm soát trong Phụ lục E hàng năm, không vượt quá ba mươi phần trăm của mức tính toán của mình về tiêu thụ trong năm 1991. Mỗi Bên sản xuất chất đó, trong cùng thời kỳ, bảo đảm rằng mức tính toán của mình về sản xuất chất đó hàng năm, không vượt quá ba mươi phần trăm của mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1991. Tuy nhiên, để thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính toán của mình về sản xuất có thể vượt giới hạn đó đến mười phần trăm mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1991.
5. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2005 và mỗi thời kỳ 12 tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về tiêu thụ chất bị kiểm soát trong Phụ lục E không vượt quá số không. Mỗi Bên sản xuất chất đó trong cùng thời kỳ, bảo đảm rằng mức tính toán của mình về sản xuất chất đó không vượt quá số không. Tuy nhiên, để thoả mãn nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, mức tính

toán của mình về sản xuất có thể vượt quá giới hạn đó đến mười lăm phần trăm mức tính toán của mình về sản xuất trong năm 1991. Mục này sẽ áp dụng tới mức độ mà các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ là cần thiết để thoả mãn sử dụng được các Bên thoả thuận sử dụng cho các trường hợp cấp thiết.

5 *bis*. Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2005 và mỗi thời kỳ mười hai tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về sản xuất chất bị kiểm soát trong Phụ lục E dành cho nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 Điều 5 không vượt quá 80% mức sản xuất trung bình hàng năm chất này dành cho nhu cầu nội địa cơ bản trong toàn bộ thời kỳ 1995-1998 của Bên đó.

5 *ter* Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2015 và mỗi thời kỳ mười hai tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về sản xuất chất bị kiểm soát trong Phụ lục E dành cho nhu cầu nội địa cơ bản của các Bên hoạt động theo mục 1 Điều 5 không vượt quá số không.

6. Mức tính toán về tiêu thụ và sản xuất theo Điều này không bao gồm số lượng được các Bên sử dụng cho kiểm dịch và các ứng dụng trước khi bốc xếp hàng hoá lên tàu.

ĐIỀU 21: BROMOCHLOROMETHANE

Mỗi Bên bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2001, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ và sản xuất các chất bị kiểm soát trong Nhóm III của Phụ lục C không vượt quá số không. Mục này được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ bản.

ĐIỀU 3: TÍNH TOÁN CÁC MỨC KIỂM SOÁT

Nhằm mục đích của các Điều 2, 2A đến 2I và 5 đối với mỗi nhóm các chất trong Phụ lục A, Phụ lục B, Phụ lục C hoặc Phụ lục E, mỗi Bên sẽ xác định mức tính toán của mình về:

(a) Sản xuất bằng cách:

i) Nhân sản lượng hàng năm của mình về mỗi chất được kiểm soát với tiềm năng làm suy giảm ôzôn được xác định cụ thể tương ứng với chúng trong Phụ lục A, Phụ lục B, Phụ lục C hoặc Phụ lục E.

ii) Cộng lại với nhau các con số kết quả cho mỗi nhóm đó;

(b) Nhập khẩu và xuất khẩu, tương ứng, bằng cách làm theo trình tự nêu trong tiểu mục (a), với những sửa đổi thích hợp; và

(c) Tiêu thụ bằng cách cộng lại với nhau các mức tính toán về sản xuất và nhập khẩu và trừ đi mức tính toán về xuất khẩu như đã được xác định phù hợp với các tiểu mục (a) và (b). Tuy nhiên, bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 1993, bất kỳ xuất khẩu các chất bị kiểm soát đến các Bên không tham gia Nghị định thư sẽ không được trừ đi trong khi tính mức tiêu thụ của Bên xuất khẩu.

ĐIỀU 4: KIỂM SOÁT VIỆC BUÔN BÁN VỚI CÁC QUỐC GIA KHÔNG LÀ CÁC BÊN CỦA NGHỊ ĐỊNH THƯ

1. Từ tháng Giêng năm 1990, mỗi Bên cấm nhập khẩu các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A từ mọi quốc gia không tham gia Nghị định thư này.
- 1 *bis*. Trong vòng một năm từ ngày có hiệu lực của mục này, mỗi Bên cấm nhập khẩu các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B từ bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.
- 1 *ter*. Trong vòng một năm từ ngày có hiệu lực của mục này, mỗi Bên sẽ cấm nhập khẩu bất kỳ chất được kiểm soát nào trong Nhóm II của Phụ lục C từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.
- 1 *qua*. Trong vòng một năm từ ngày có hiệu lực của mục này, mỗi Bên cấm nhập khẩu chất bị kiểm soát trong Phụ lục E từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.

1 *quin*. Từ ngày 1 tháng Giêng 2004, mỗi Bên cấm nhập khẩu bất kỳ chất bị kiểm soát nào trong Nhóm I của Phụ lục C từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.

- 1 *sex*. Trong vòng một năm từ ngày có hiệu lực của mục này, mỗi Bên cấm nhập khẩu bất kỳ chất bị kiểm soát nào trong Nhóm III của Phụ lục C từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.
2. Từ tháng Giêng 1993, mỗi Bên cấm xuất khẩu bất kỳ chất bị kiểm soát nào trong Phụ lục A tới bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.
- 2 *bis*. Bắt đầu từ sau ngày có hiệu lực của mục này một năm, mỗi Bên cấm xuất khẩu các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B tới bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.
- 2 *ter*. Bắt đầu từ sau ngày có hiệu lực của mục này một năm, mỗi Bên cấm xuất khẩu bất kỳ chất bị kiểm soát nào trong Nhóm II của Phụ lục C tới bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.
- 2 *qua*. Bắt đầu từ sau ngày có hiệu lực của mục này một năm, mỗi Bên cấm xuất khẩu chất bị kiểm soát trong Phụ lục E đến bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.

- 2 *quin*. Từ ngày 1 tháng Giêng 2004, mỗi Bên cấm xuất khẩu bất kỳ chất bị kiểm soát nào trong Nhóm I của Phụ lục C từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.
- 2 *sex*. Trong vòng một năm từ ngày có hiệu lực của mục này, mỗi Bên cấm xuất khẩu bất kỳ chất bị kiểm soát nào trong Nhóm III của Phụ lục C từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.
3. Vào 1 tháng Giêng năm 1992, các Bên theo thủ tục trong Điều 10 của Công ước, sẽ soạn thảo dưới dạng một Phụ lục danh sách các sản phẩm chứa các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A. Các Bên không phản đối Phụ lục đó sẽ theo thủ tục ấy, trong vòng một năm từ khi Phụ lục đó có hiệu lực, sẽ cấm việc nhập khẩu các sản phẩm đó từ bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.
- 3 *bis*. Trong vòng ba năm từ ngày có hiệu lực của mục này, các Bên theo thủ tục trong Điều 10 của Công ước, sẽ soạn thảo dưới dạng một phụ lục danh sách các sản phẩm có chứa các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B. Các Bên không phản đối Phụ lục đó theo thủ tục ấy, trong vòng một năm từ khi Phụ lục đó có hiệu lực, sẽ cấm việc nhập khẩu các sản phẩm đó từ bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.

- 3 *ter*. Trong vòng ba năm từ ngày có hiệu lực của mục này, các Bên theo thủ tục trong Điều 10 của Công ước, sẽ soạn thảo dưới dạng một phụ lục danh sách các sản phẩm có chứa các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục C. Các Bên không phản đối Phụ lục đó theo thủ tục ấy, trong vòng một năm từ khi Phụ lục đó có hiệu lực, sẽ cấm việc nhập khẩu các sản phẩm đó từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.
4. Vào 1 tháng Giêng năm 1994, các Bên xác định tính khả thi của việc cấm hoặc hạn chế, việc nhập khẩu từ các quốc gia không tham gia Nghị định thư này các sản phẩm được sản xuất với các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A, nhưng không chứa các chất đó. Nếu xác định là khả thi, các Bên theo thủ tục trong Điều 10 của Công ước, sẽ soạn thảo dưới dạng một phụ lục danh sách các sản phẩm đó. Các Bên không phản đối Phụ lục đó theo thủ tục ấy, trong vòng một năm kể từ khi Phụ lục đó có hiệu lực, sẽ cấm việc nhập khẩu các sản phẩm đó từ mọi quốc gia không tham gia Nghị định thư này.
- 4 *bis*. Trong vòng 5 năm từ ngày có hiệu lực của mục này, các Bên sẽ xác định tính khả thi của việc cấm hoặc hạn chế, việc nhập khẩu từ các quốc gia không tham gia Nghị định thư này các sản phẩm được sản xuất với các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B, nhưng không chứa các chất đó. Nếu xác định là khả thi, các Bên theo thủ tục trong Điều 10

của Công ước, sẽ soạn thảo dưới dạng một phụ lục danh sách các sản phẩm đó. Các Bên không phản đối Phụ lục đó theo thủ tục ấy, trong vòng một năm kể từ khi Phụ lục đó có hiệu lực, sẽ cấm việc nhập khẩu các sản phẩm đó từ bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này.

- 4 *ter*. Trong vòng 5 năm từ ngày có hiệu lực của mục này, các Bên xác định tính khả thi của việc cấm hoặc hạn chế việc nhập khẩu từ các nước không tham gia Nghị định thư này các chất được sản xuất bằng nhưng không chứa các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục C. Nếu xác định là khả thi, các Bên theo thủ tục trong Điều 10 của Công ước, sẽ soạn thảo dưới dạng một phụ lục danh sách các sản phẩm như vậy. Các Bên không phản đối Phụ lục đó, theo thủ tục ấy, trong vòng một năm kể từ khi Phụ lục đó có hiệu lực, sẽ cấm hoặc hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm đó từ bất kỳ nước nào không tham gia Nghị định thư này.
5. Mỗi Bên thực hiện ở mức độ thực tế đầy đủ nhất việc không khuyến khích xuất khẩu tới bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này công nghệ sản xuất và sử dụng các chất bị kiểm soát trong các Phụ lục A, B, C và E.
6. Mỗi Bên kiềm chế việc cung cấp các chương trình trợ cấp, viện trợ, tín dụng, bảo lãnh hoặc bảo

hiểm mới cho việc xuất khẩu tới các quốc gia không là một Bên của Nghị định thư này, các sản phẩm, thiết bị, nhà máy hoặc công nghệ tạo dễ dàng cho việc sản xuất các chất bị kiểm soát trong các Phụ lục A, B, C và E.

7. Các mục 5 và 6 không áp dụng cho các sản phẩm, thiết bị, nhà máy hoặc công nghệ làm hoàn thiện việc lưu giữ, thu hồi, sử dụng lại hoặc tiêu huỷ các chất bị kiểm soát, thúc đẩy phát triển các chất thay thế hoặc là góp phần làm giảm phát thải các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A, B, C và E.
8. Mặc dù có các khoản của Điều này, việc nhập khẩu và xuất khẩu nói tới trong các mục 1 đến 4 *ter* của Điều này có thể được phép từ hoặc tới bất kỳ quốc gia nào không là một Bên của Nghị định thư này, nếu quốc gia đó được một cuộc họp của các Bên xác định là hoàn toàn tuân thủ Điều 2, Điều 2A đến Điều 2I và điều này, và đã nộp các số liệu như đã được qui định cụ thể trong Điều 7.
9. Nhằm những mục đích của Điều này, nhóm từ “quốc gia không là một Bên của Nghị định thư này”, đối với một chất bị kiểm soát cụ thể, bao gồm một nước hoặc một tổ chức liên kết kinh tế khu vực không đồng ý bị ràng buộc bởi những biện pháp kiểm soát có hiệu lực đối với chất đó.

10. Vào 1 tháng Giêng 1996, các Bên xem xét liệu có phải bổ sung Nghị định thư này không nhằm mục đích mở rộng các biện pháp ở Điều này sang việc buôn bán các chất bị kiểm soát trong nhóm I của Phụ lục C và trong Phụ lục E với các nước không là một Bên của Nghị định thư này.

ĐIỀU 4A: KIỂM SOÁT VIỆC BUÔN BÁN VỚI CÁC BÊN

1. Tại những nơi, sau thời hạn loại trừ một chất bị kiểm soát được áp dụng đối với mình, một Bên, mặc dù đã tiến hành tất cả các bước thích hợp để tuân thủ điều khoản của Nghị định thư, không thể ngừng sản xuất chất đó dùng cho tiêu thụ nội địa ngoài việc sử dụng trong trường hợp thiết yếu đã được các Bên thoả thuận, các Bên đó phải cấm xuất khẩu khối lượng các chất này đã sử dụng, đã tái chế và tái sử dụng, ngoài mục đích để tiêu huỷ.
2. Mục 1 của Điều này sẽ được áp dụng không có tổn hại cho hoạt động của Điều 11 của Công ước và thủ tục không tuân thủ được xây dựng tại Điều 8 của Nghị định thư.

ĐIỀU 4B: HỆ THỐNG GIẤY PHÉP

1. Bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2000 hoặc trong vòng ba tháng kể từ ngày Điều này có hiệu lực, cho dù chậm, mỗi Bên phải thiết lập và thực hiện một hệ thống giấy phép nhập khẩu và xuất khẩu của các

chất mới, đã sử dụng, đã thu hồi và tái chế bị kiểm soát tại Phụ lục A, B, C và E.

2. Mặc dù có mục 1 của Điều này, bất kỳ Bên nào hoạt động theo mục 1 Điều 5 có quyết định là nước đó chưa ở vị thế để thiết lập và thực hiện hệ thống giấy phép nhập khẩu và xuất khẩu của các chất bị kiểm soát tại Phụ lục C và E, có thể hoãn thực hiện các hoạt động này đến ngày 1 tháng Giêng năm 2005 và 1 tháng Giêng năm 2002, tương ứng với từng chất.
3. Trong vòng ba tháng kể từ ngày giới thiệu hệ thống giấy phép của mình, mỗi Bên phải thông báo cho Ban thư ký về việc xây dựng và hoạt động của hệ thống này.
4. Ban thư ký sẽ định kỳ chuẩn bị và thông báo cho tất cả các Bên danh sách của các Bên đã báo cáo cho Ban thư ký về hệ thống giấy phép của họ và sẽ chuyển những thông tin này cho Hội đồng Thực hiện để xem xét và có các khuyến nghị thích hợp cho các Bên.

ĐIỀU 5: TÌNH TRẠNG ĐẶC BIỆT CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

1. Bất kỳ Bên nào là một nước đang phát triển và có mức tính toán hàng năm về tiêu thụ các chất được kiểm soát trong Phụ lục A ít hơn 0,3 kilôgam trên đầu người vào ngày Nghị định thư này có hiệu

lực đối với nước đó, hoặc bất cứ lúc nào sau đó cho đến 1 tháng Giêng năm 1999, để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của mình, có quyền trì hoãn trong mười năm việc tuân thủ của mình đối với các biện pháp kiểm soát được nêu trong các Điều 2A đến 2E, miễn là bất kỳ bổ sung nào sau này đối với những điều chỉnh hoặc bổ sung được thông qua tại cuộc họp thứ hai của các Bên tại London, 29 tháng 6 năm 1990 sẽ áp dụng đối với các Bên hoạt động theo mục này sau khi việc kiểm điểm đánh giá được dự liệu trong mục 8 của Điều này được thực hiện và sẽ được dựa trên những kết luận của việc kiểm điểm đó.

1 bis. Các Bên, tính đến việc kiểm điểm được nói tới ở mục 8 của Điều này, những đánh giá được thực hiện theo Điều 6 và mọi thông tin khác liên quan, sẽ quyết định vào 1 tháng Giêng năm 1996, thông qua thủ tục được nêu ở mục 9 của Điều 2:

- a) Đối với các mục 1 đến 6 của Điều 2F, năm cơ sở nào, các mức ban đầu, lịch trình kiểm soát và ngày nào loại trừ tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C sẽ được áp dụng cho các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này;
- b) Đối với Điều 2G, ngày nào loại bỏ việc sản xuất và tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm II của Phụ lục C sẽ được áp dụng cho

các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này; và

- c) Đối với Điều 2H, năm cơ sở nào, các mức ban đầu và các lịch trình kiểm soát việc tiêu thụ và sản xuất các chất bị kiểm soát trong Phụ lục E sẽ được áp dụng cho các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này;

2. Tuy nhiên, bất kỳ Bên nào hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ không vượt quá mức tính toán hàng năm về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A 0,3 kilôgam trên đầu người lẫn mức tính toán hàng năm về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B 0,2 kilôgam trên đầu người.

3. Khi thực hiện những biện pháp kiểm soát được nêu trong các Điều 2A đến 2E, bất kỳ Bên nào hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ có quyền sử dụng:

- a) Đối với các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A, hoặc là trung bình cộng của mức tính toán hàng năm của mình về tiêu thụ trong thời kỳ 1995 đến 1997, hoặc là mức tính toán về tiêu thụ 0,3 kilôgam trên đầu người, miễn là mức nào thấp hơn, làm cơ sở cho việc xác định sự tuân thủ của mình với các biện pháp kiểm soát liên quan đến tiêu thụ.

- b) Đối với các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B, trung bình cộng của mức tính toán hàng năm về tiêu thụ của mình trong thời kỳ 1998 đến 2000, hoặc là mức tính toán về tiêu thụ 0,2 kilôgam trên đầu người, miễn là mức nào thấp hơn, làm cơ sở cho việc xác định sự tuân thủ của mình với các biện pháp kiểm soát liên quan đến tiêu thụ.
 - c) Đối với các chất bị kiểm soát trong Phụ lục A, hoặc là trung bình cộng của mức tính toán hàng năm của mình về sản xuất trong thời kỳ 1995 đến 1997, hoặc là mức tính toán về sản xuất 0,3 kilôgam trên đầu người, miễn là mức nào thấp hơn, làm cơ sở cho việc xác định sự tuân thủ của mình với các biện pháp kiểm soát liên quan đến sản xuất.
 - d) Đối với các chất bị kiểm soát trong Phụ lục B, hoặc là trung bình cộng của mức tính toán hàng năm của mình về sản xuất trong thời kỳ 1998 đến 2000, hoặc là mức tính toán về sản xuất 0,2 kilôgam trên đầu người, miễn là mức nào thấp hơn, làm cơ sở cho việc xác định sự tuân thủ của mình với các biện pháp kiểm soát liên quan đến sản xuất.
4. Nếu một Bên nào hoạt động theo mục 1 của Điều này, vào bất cứ lúc nào trước khi nghĩa vụ về các biện pháp kiểm soát trong các Điều 2A đến 2I trở

thành được áp dụng đối với mình, tự thấy không có khả năng nhận được sự cung cấp đủ tương xứng về các chất bị kiểm soát, Bên đó có thể thông báo việc này cho Ban thư ký. Ban thư ký sẽ chuyển ngay bản sao của thông báo đó cho các Bên, họ sẽ xem xét vấn đề đó tại cuộc họp tới của mình và quyết định về hành động thích hợp cần phải thực hiện.

- 5. Việc phát triển năng lực nhằm thực hiện nghĩa vụ của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này, tuân thủ với các biện pháp kiểm soát được nêu trong các Điều 2A đến 2E và Điều 2I, hoặc bất kỳ biện pháp kiểm soát được nêu trong các Điều 2F đến 2H được quyết định theo mục 1 *bis* của Điều này, và việc thực hiện chúng của chính các Bên đó phụ thuộc vào việc thực hiện có hiệu quả của sự hợp tác tài chính theo như Điều 10 và việc chuyển giao công nghệ theo như Điều 10A.
- 6. Bất kỳ Bên nào hoạt động theo mục 1 của Điều này có thể, vào bất cứ lúc nào, thông báo cho Ban thư ký bằng văn bản rằng, đã làm tất cả các bước thực tế mà vẫn không có khả năng thực hiện bất kỳ hoặc tất cả các nghĩa vụ nêu trong các Điều 2A đến 2E và Điều 2I, hoặc bất kỳ hay tất cả các nghĩa vụ trong các điều 2F đến 2H được quyết định theo mục 1 *bis* của Điều này, bởi do sự thực hiện không đủ tương xứng các Điều 10 và 10A. Ban thư ký sẽ chuyển ngay bản sao của thông báo

cho các Bên, họ sẽ xem xét vấn đề đó tại cuộc họp tới của mình, có sự thừa nhận đúng đắn cần thiết đối với mục 5 của Điều này và sẽ quyết định về hành động thích hợp cần thực hiện.

7. Trong thời kỳ giữa việc thông báo và cuộc họp của các Bên mà tại đó hành động thích hợp được nói tới trong mục 6 ở trên sẽ được quyết định, hoặc trong một thời kỳ dài hơn nếu như cuộc họp của các Bên quyết định như vậy, các thủ tục về không tuân thủ nói tới trong Điều 8 sẽ không được viện tới chống lại Bên thông báo.
8. Cuộc họp các Bên sẽ kiểm điểm đánh giá, không muộn hơn năm 1995, tình trạng của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này, kể cả việc thực hiện có hiệu quả sự hợp tác tài chính và chuyển giao công nghệ cho họ, và thông qua những điều khoản có thể là cần thiết liên quan đến lịch trình của các biện pháp kiểm soát được áp dụng đối với các Bên đó.

8 bis. Dựa trên những kết luận của việc kiểm điểm nói trong mục 8 ở trên:

- a) Đối với những chất bị kiểm soát trong Phụ lục A, một Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này, để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản của mình, được quyền chậm mười năm việc tuân thủ các biện pháp kiểm soát được thông qua bởi cuộc họp các Bên lần thứ hai tại

London, ngày 29 tháng 6 năm 1990 và Điều 2A và 2B Nghị định thư sẽ được hiểu tương ứng;

- b) Đối với những chất bị kiểm soát trong Phụ lục B, một Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này, để đáp ứng nhu cầu nội địa cơ bản, được quyền chậm mười năm việc tuân thủ các biện pháp kiểm soát được thông qua bởi cuộc họp các Bên lần thứ hai tại London, ngày 29 tháng 6 năm 1990 và Nghị định thư dựa vào Điều 2C đến 2E sẽ được hiểu tương ứng.

8 ter. Theo mục 1 *bis* ở trên:

- a) Mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2016, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng tiếp theo, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C hàng năm không vượt quá mức tính toán của mình về tiêu thụ vào năm 2015; Từ 1 tháng Giêng năm 2016 mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ tuân thủ các biện pháp kiểm soát nêu trong mục 8 của Điều 2F và là cơ sở của sự tuân thủ những biện pháp kiểm soát đó, họ sẽ dùng trị số trung bình của mức tính toán hàng năm về tiêu thụ và sản xuất trong năm 2015;

- b) Mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2040, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ các chất bị kiểm soát trong Nhóm I của Phụ lục C không vượt quá số không,
- c) Mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ tuân thủ Điều 2G;
- d) Đối với chất bị kiểm soát trong Phụ lục E:
 - i) Từ 1 tháng Giêng năm 2002, mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ tuân thủ các biện pháp kiểm soát nêu trong mục 1 của Điều 2H và là cơ sở của sự tuân thủ những biện pháp kiểm soát đó, họ sẽ dùng trị số trung bình của mức tính toán hàng năm về tiêu thụ và sản xuất trong thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1998;
 - ii) Mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2005, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ và sản xuất các chất bị kiểm soát ở Phụ lục E hàng năm, không vượt quá tám mươi phần trăm mức tính toán

của mình về sản xuất và tiêu thụ các chất đó trong thời kỳ liên tiếp từ 1995 đến 1998;

- iii) Mỗi Bên hoạt động theo mục 1 của Điều này sẽ bảo đảm rằng trong thời kỳ mười hai tháng bắt đầu từ 1 tháng Giêng năm 2015, và trong mỗi thời kỳ mười hai tháng sau đó, mức tính toán của mình về tiêu thụ và sản xuất các chất bị kiểm soát ở Phụ lục E không vượt quá số không. Mục này được áp dụng cho tới mức độ các Bên quyết định cho phép mức sản xuất hoặc tiêu thụ cần thiết thoả mãn những sử dụng được các Bên thoả thuận là cơ bản.;
 - iv) Các mức tính toán về tiêu thụ và sản xuất theo mục này sẽ không bao gồm số lượng được Bên đó sử dụng để kiểm dịch và xử lý trước khi bốc xếp hàng lên tàu.
9. Các quyết định của các Bên được nói tới trong các mục 4, 6 và 7 của Điều này sẽ được ban hành phù hợp với chính thủ tục được áp dụng đối với việc ban hành quyết định theo Điều 10.

ĐIỀU 6: ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐIỂM CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT

Bắt đầu từ 1990 và ít nhất cứ 4 năm một sau đó, các Bên sẽ đánh giá các biện pháp kiểm soát được qui định trong Điều 2 và các Điều 2A đến 2I, trên cơ sở thông tin khoa học, môi trường, kỹ thuật và kinh tế có được. Ít nhất một năm trước mỗi lần đánh giá, các Bên sẽ triệu tập những ban thích hợp gồm các chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực nêu trên và xác định thành phần và nhiệm vụ của những ban như vậy. Trong vòng một năm từ khi được triệu tập, các ban sẽ báo cáo cho các Bên những kết luận của mình, thông qua Ban thư ký.

ĐIỀU 7: BÁO CÁO SỐ LIỆU

1. Mỗi Bên sẽ cung cấp cho Ban thư ký, trong vòng ba tháng từ khi trở thành Bên tham gia, số liệu thống kê về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu của từng chất được kiểm soát trong Phụ lục A cho năm 1986, hoặc những ước lượng tốt nhất có thể có được về những số liệu ấy khi không có số liệu thực tế.
2. Mỗi Bên sẽ cung cấp cho Ban thư ký số liệu thống kê về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu của mình về từng chất được kiểm soát.
 - trong các Phụ lục B và Phụ lục I và II của Nhóm C cho năm 1989;
 - trong các Phụ lục E cho năm 1991,

hoặc những ước lượng tốt nhất có thể của những số liệu đó khi không có số liệu thực tế, không muộn hơn ba tháng sau ngày các điều khoản nêu trong Nghị định thư này liên quan đến các chất trong Phụ lục B, C và E tương ứng, có hiệu lực đối với Bên đó.

3. Mỗi Bên sẽ cung cấp cho Ban thư ký số liệu thống kê về sản xuất hàng năm (như được định nghĩa ở mục 5 của Điều 1) của từng chất bị kiểm soát nêu trong các Phụ lục A, B, C và E, và riêng biệt cho từng chất,
 - Lượng được sử dụng làm nguyên liệu,
 - Lượng được tiêu huỷ bằng công nghệ được các Bên chấp thuận, và
 - Nhập khẩu từ và xuất khẩu tới các Bên và các quốc gia không là một Bên Nghị định thư tương ứng,

cho năm trong đó các Điều khoản liên quan đến các chất trong các Phụ lục A, B, C và E tương ứng có hiệu lực đối với Bên đó và cho từng năm sau đó. Mỗi Bên phải cung cấp cho Ban thư ký số liệu thống kê hàng năm về tổng lượng chất đã liệt kê trong Phụ lục E đã dùng cho kiểm dịch và xử lý hàng hoá trước khi xuống tàu. Số liệu được đưa ra không muộn

hơn chín tháng sau khi kết thúc năm số liệu liên quan tới.

- 3 *bis*. Mỗi Bên cung cấp cho Ban thư ký số liệu thống kê riêng rẽ về nhập khẩu và xuất khẩu hàng năm của từng chất bị kiểm soát nêu trong Nhóm II của Phụ lục A và Nhóm I của Phụ lục C đã được tái chế.
4. Đối với các Bên hoạt động theo các khoản của mục 8 (a) của Điều 2, những yêu cầu trong các mục 1, 2 và 3 *bis* của Điều này đối với số liệu thống kê về nhập khẩu và xuất khẩu là được thoả mãn nếu tổ chức liên kết kinh tế khu vực liên quan cung cấp số liệu về nhập khẩu và xuất khẩu giữa tổ chức này và các quốc gia không phải là thành viên của tổ chức đó.

ĐIỀU 8: SỰ KHÔNG TUÂN THỦ

Các Bên, tại cuộc họp đầu tiên của mình sẽ xem xét và chấp thuận các thủ tục và thể chế đối với việc xác định sự không tuân thủ các điều khoản của Nghị định thư này và việc xử lý Bên bị phát hiện là không tuân thủ.

ĐIỀU 9: NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI, NHẬN THỨC XÃ HỘI VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các Bên phù hợp với các luật, quy chế và thực tiễn quốc gia của mình và có tính đến đặc thù nhu

cầu của các nước đang phát triển, sẽ hợp tác trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức quốc tế có thẩm quyền trong việc thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và trao đổi thông tin về:

- (a) Những công nghệ tốt nhất nhằm hoàn thiện việc lưu giữ, thu hồi, dùng lại hoặc tiêu huỷ các chất bị kiểm soát hoặc mặt khác làm giảm phát thải chúng.
- (b) Những chất có thể thay thế cho các chất bị kiểm soát, cho các sản phẩm có chứa các chất ấy, và cho các sản phẩm được chế tạo với chúng; và
- (c) Các chi phí và lợi ích của các chiến lược kiểm soát liên quan.

2. Các Bên, riêng rẽ hoặc cùng nhau hoặc thông qua các tổ chức quốc tế có thẩm quyền, sẽ hợp tác trong việc thúc đẩy nhận thức của công chúng về những ảnh hưởng môi trường của sự phát thải các chất bị kiểm soát và các chất khác làm suy giảm tầng ôzôn.
3. Trong vòng hai năm từ khi có hiệu lực của Nghị định thư này và cứ mỗi hai năm tiếp theo, mỗi Bên sẽ nộp cho Ban thư ký một bản tóm tắt những hoạt động của mình đã tiến hành theo Điều này.

ĐIỀU 10: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Các Bên thiết lập cơ chế nhằm cung cấp sự hợp tác tài chính và kỹ thuật, kể cả chuyển giao công nghệ, cho các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 của Nghị định thư này để làm cho họ có khả năng tuân thủ các biện pháp kiểm soát nêu trong các Điều 2A đến 2E và Điều 2I, và bất kỳ biện pháp kiểm soát nào trong các Điều 2F đến 2H được quyết định theo mục 1 *bis* của Điều 5 của Nghị định thư này. Cơ chế này, mà được những đóng góp vào nó là nguồn bổ sung cho những chuyển giao tài chính khác cho các Bên hoạt động theo mục này, sẽ bù đắp tất cả những chi phí gia tăng được thoả thuận của các Bên đó nhằm mục đích làm cho họ có khả năng tuân thủ với các biện pháp kiểm soát của Nghị định thư này. Một danh sách hướng dẫn phân loại của các chi phí gia tăng sẽ được cuộc họp của các Bên quyết định.
2. Cơ chế được thiết lập theo mục 1 sẽ bao gồm một Quỹ đa phương. Nó cũng có thể bao gồm các cơ chế hợp tác song phương, khu vực và đa phương khác.
3. Quỹ đa phương sẽ:
 - a) Bù đắp những chi phí gia tăng được thoả thuận, trên cơ sở không hoàn lại hoặc ưu đãi khi thích hợp, và phù hợp với tiêu chuẩn được các Bên quyết định.

- b) Cung cấp tài chính cho các chức năng thanh toán ngân hàng để:
 - (i) Giúp đỡ các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5, thông qua những nghiên cứu đặc trưng quốc gia và sự hợp tác kỹ thuật khác, để xác định nhu cầu của họ về sự hợp tác;
 - (ii) Tạo điều kiện cho hợp tác kỹ thuật đáp ứng những nhu cầu được xác định này;
 - (iii) Phân phối, như được quy định trong Điều 9, thông tin và những tài liệu liên quan, và tổ chức các hội thảo, khoá huấn luyện và các hoạt động liên quan khác vì lợi ích của các Bên là các nước đang phát triển; và
 - (iv) Tạo điều kiện dễ dàng và hướng dẫn sự hợp tác song phương, khu vực và đa phương khác vì lợi ích cho các Bên là các nước đang phát triển;
 - c) Cung cấp tài chính cho các dịch vụ hành chính của Quỹ đa phương và các chi phí hỗ trợ liên quan.
4. Quỹ đa phương sẽ hoạt động dưới quyền lực của các Bên và các Bên sẽ quyết định về toàn bộ chính sách chung của nó.

5. Các Bên sẽ thành lập một Ban chấp hành để triển khai và hướng dẫn việc thực hiện các chính sách tác nghiệp cụ thể, các phương hướng chỉ đạo và các vụ việc hành chính, gồm cả việc chi tiêu các nguồn, nhằm mục đích đạt các mục tiêu của Quỹ đa phương. Ban chấp hành sẽ thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, được nêu cụ thể trong quy chế do các Bên đã thoả thuận, với sự hợp tác và giúp đỡ của Ngân hàng Tái thiết và Phát triển (Ngân hàng thế giới), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc hoặc các tổ chức thích hợp khác tùy thuộc vào lĩnh vực chuyên sâu tương ứng của họ. Các thành viên của Ban chấp hành, được bầu trên cơ sở cân bằng đại diện của các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 và của các Bên không hoạt động như vậy, sẽ được các Bên xác nhận.
6. Quỹ đa phương được cung cấp tài chính từ những đóng góp của các Bên không hoạt động theo mục 1 của Điều 5 bằng đồng tiền chuyển đổi hoặc, trong những hoàn cảnh nhất định, bằng sản phẩm và hoặc bằng đồng tiền quốc gia, trên cơ sở thang bậc đánh giá của Liên hợp quốc. Những đóng góp của các Bên khác được khuyến khích. Sự hợp tác song phương và trong những trường hợp đặc biệt được các Bên quyết định đồng ý, sự hợp tác khu vực cho tới một tỷ lệ phù hợp với mọi tiêu chuẩn

được các Bên quy định rõ trong quyết định, có thể được xem như sự đóng góp vào Quỹ đa phương, miễn là sự hợp tác như vậy, tối thiểu phải:

- a) Liên quan chặt chẽ với sự tuân thủ các điều khoản của Nghị định thư này;
 - b) Dem lại các nguồn bổ sung; và
 - c) Bù đắp các chi phí gia tăng.
7. Các Bên sẽ quyết định về chương trình ngân sách của Quỹ đa phương cho từng tài khoá và về tỷ lệ đóng góp của từng Bên vào đó.
 8. Các nguồn thuộc Quỹ đa phương sẽ được chi tiêu với sự cạnh tranh của Bên được hưởng lợi ích.
 9. Các quyết định của các Bên theo Điều này sẽ được đưa ra bằng sự nhất trí bất kỳ lúc nào có thể. Nếu mọi nỗ lực nhằm đạt sự nhất trí đã cạn kiệt và không đạt được sự thoả thuận nào, các quyết định sẽ được thông qua bằng đa số phiếu hai phần ba các Bên có mặt và bỏ phiếu, đại diện cho đa số các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5 có mặt và bỏ phiếu và đa số của các Bên không hoạt động theo mục 1 của Điều 5 có mặt và bỏ phiếu.
 10. Cơ chế tài chính nêu trong điều này không làm hại cho bất kỳ thoả thuận tương lai nào có thể được triển khai đối với những vấn đề môi trường khác.

ĐIỀU 10A: CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mỗi Bên sẽ thi hành mọi bước đi thực tế, phù hợp với các chương trình được cơ chế tài chính hỗ trợ, để bảo đảm:

- a) Rằng các chất thay thế an toàn về môi trường tốt nhất sẵn có và các công nghệ liên quan được chuyển giao nhanh chóng cho các Bên hoạt động theo mục 1 của Điều 5; và
- b) Rằng những chuyển giao được nói tới trong mục a) nhỏ diễn ra trong điều kiện công bằng và thuận lợi nhất.

ĐIỀU 11: CUỘC HỌP CÁC BÊN

1. Các Bên sẽ tổ chức các cuộc họp thường kỳ. Ban thư ký sẽ triệu tập cuộc họp đầu tiên của các Bên không muộn hơn một năm sau ngày có hiệu lực của Nghị định thư này và kết hợp với cuộc họp của Hội nghị của các Bên tham gia Công ước, nếu như cuộc họp này được dự định trong thời kỳ đó.
2. Các cuộc họp thường kỳ tiếp theo của các Bên sẽ được tổ chức, trừ phi các Bên quyết định khác, kết hợp với các cuộc họp của Hội nghị của các Bên tham gia Công ước. Các cuộc họp bất thường của các Bên sẽ được tổ chức vào những thời gian khác như cuộc họp của các Bên thấy cần thiết, hoặc

theo yêu cầu bằng văn bản của bất kỳ Bên nào, miễn là trong vòng sáu tháng từ khi yêu cầu đó được Ban thư ký thông báo tới các Bên, nó được ít nhất một phần ba các Bên ủng hộ.

3. Các Bên, tại cuộc họp đầu tiên, sẽ:
 - a) Thông qua bằng nhất trí các quy tắc thủ tục cho các cuộc họp của mình;
 - b) Thông qua bằng nhất trí các quy tắc tài chính được nói tới trong mục 2 của Điều 13;
 - c) Thành lập các Ban và xác định nhiệm vụ được nói tới trong Điều 6;
 - d) Xem xét và thông qua các thủ tục và cơ chế tổ chức được quy định rõ trong Điều 8; và
 - e) Bắt đầu chuẩn bị các kế hoạch làm việc theo mục 3 của Điều 10.
4. Các chức năng của các cuộc họp của các Bên là:
 - a) Kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Nghị định thư này;
 - b) Quyết định về bất kỳ điều chỉnh hoặc cắt giảm được nói tới trong mục 9 của Điều 2;
 - c) Quyết định về bất kỳ sự bổ sung, đưa vào hoặc rút đi bất kỳ phụ lục nào của các chất và về các biện pháp kiểm soát liên quan phù hợp với mục 10 của Điều 2;

- d) Thiết lập khi cần thiết các chỉ dẫn hoặc thủ tục báo cáo thông tin như được qui định trong Điều 7 và mục 3 của Điều 9;
 - e) Xem xét lại các yêu cầu giúp đỡ kỹ thuật được đề trình theo mục 2 của Điều 10;
 - f) Xem xét lại đánh giá các báo cáo do Ban thư ký chuẩn bị theo tiểu mục (c) của Điều 12;
 - g) Đánh giá các biện pháp kiểm soát phù hợp với Điều 6;
 - h) Xem xét và thông qua, theo yêu cầu, các đề nghị về bổ sung Nghị định thư này hoặc bất kỳ phụ lục nào và về bất kỳ phụ lục mới nào;
 - i) Xem xét và thông qua ngân sách cho việc thực hiện Nghị định thư này; và
 - j) Xem xét và thực hiện bất kỳ hành động bổ sung nào có thể là được yêu cầu để đạt những mục đích của Nghị định thư này.
5. Liên hợp quốc, các tổ chức chuyên môn của nó và Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế, cũng như bất kỳ quốc gia nào không tham gia Nghị định thư này, có thể có đại diện tại các cuộc họp của các Bên như là quan sát viên. Bất kỳ tổ chức hoặc cơ quan nào, hoặc là quốc gia hay quốc tế, chính phủ hay phi chính phủ, có trình độ trong các lĩnh vực liên quan đến việc bảo vệ tầng ôzôn và đã thông báo cho Ban thư ký mong muốn của mình có đại diện

tại các cuộc họp của các Bên như là quan sát viên có thể được chấp nhận trừ phi ít nhất một phần ba các Bên có mặt phản đối. Việc chấp nhận và tham gia của các quan sát viên sẽ tuân theo các quy tắc thủ tục được các Bên thông qua.

ĐIỀU 12: BAN THƯ KÝ

Nhằm mục đích của Nghị định thư này, Ban thư ký sẽ:

- a) Thu xếp phục vụ các cuộc họp của các Bên như được qui định trong Điều 11;
- b) Thu nhận và sẵn sàng cung cấp, theo yêu cầu của Bên nào đó, các số liệu theo Điều 7;
- c) Chuẩn bị và phân phát đều đặn cho các Bên những báo cáo dựa trên thông tin nhận được theo các Điều 7 và 9;
- d) Thông báo cho các Bên về bất kỳ yêu cầu giúp đỡ kỹ thuật nào nhận được theo Điều 10 để tạo điều kiện cung cấp sự giúp đỡ như vậy;
- e) Khuyến khích những quốc gia không là các Bên tham gia các cuộc họp của các Bên như là các quan sát viên và hành động phù hợp với các điều khoản của Nghị định thư này;
- f) Cung cấp, nếu thích hợp, thông tin và yêu cầu được nói tới trong các tiểu mục (c) và (d) cho các quan sát viên không là các Bên; và

- g) Thực hiện các chức năng khác nhằm đạt được mục đích của Nghị định thư này như các Bên có thể đặt ra.

ĐIỀU 13: CUNG CẤP TÀI CHÍNH

1. Các quỹ cần thiết cho hoạt động của Nghị định thư này, bao gồm các quỹ cho hoạt động của Ban thư ký liên quan tới Nghị định thư này, sẽ chỉ lấy từ các đóng góp của các Bên.
2. Các Bên, tại cuộc họp đầu tiên của mình, sẽ thông qua bằng nhất trí các quy tắc tài chính cho hoạt động của Nghị định thư này.

ĐIỀU 14: MỐI QUAN HỆ CỦA NGHỊ ĐỊNH THƯ NÀY VỚI CÔNG ƯỚC

Trừ phi được qui định khác trong Nghị định thư này, các điều khoản của Công ước liên quan tới các Nghị định thư của nó sẽ áp dụng cho Nghị định thư này.

ĐIỀU 15: KÝ KẾT

Nghị định thư này sẽ đề ngỏ cho việc ký kết của các nước và các tổ chức liên kết kinh tế khu vực tại

Montreal ngày 16 tháng 9 năm 1987, tại Ottawa từ 17 tháng 9 năm 1987 đến 16 tháng 1 năm 1988 và tại trụ sở Liên hợp quốc tại New York từ 17 tháng Giêng năm 1988 đến 15 tháng 9 năm 1988.

ĐIỀU 16: HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Nghị định thư này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng Giêng năm 1989, miễn là ít nhất có mười một văn bản phê chuẩn, chấp thuận, tán thành Nghị định thư này hoặc tham gia vào đó đã được các nước hoặc các tổ chức liên kết kinh tế khu vực đại diện cho ít nhất hai phần ba tổng lượng tiêu dùng toàn cầu ước tính trong năm 1986 về các chất được kiểm soát nộ lưu chiếu và các điều khoản của mục 1 Điều 17 của Công ước đã được thực hiện. Trường hợp các điều kiện này không thực hiện được vào thời điểm đó, Nghị định thư này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 90 tiếp theo ngày mà các điều kiện đó được thực hiện.
2. Nhằm mục đích của mục 1, bất kỳ văn bản nào tương tự do một tổ chức liên kết kinh tế khu vực nộ lưu chiếu sẽ không được tính như là bổ sung vào những văn bản được các nước thành viên của tổ chức đó nộ lưu chiếu.

3. Sau khi Nghị định thư này có hiệu lực, một nước hoặc tổ chức liên kết kinh tế khu vực bất kỳ sẽ trở thành một Bên tham gia vào ngày thứ chín mươi tiếp theo ngày nộp lưu chiểu văn bản phê chuẩn, chấp thuận, tán thành hoặc tham gia của mình.

ĐIỀU 17: CÁC BÊN THAM GIA SAU KHI CÓ HIỆU LỰC

Theo Điều 5, bất kỳ một nước hoặc tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào trở thành một Bên tham gia Nghị định thư này sau ngày có hiệu lực của nó sẽ thực hiện ngay lập tức toàn bộ các nghĩa vụ theo Điều 2, cũng như theo các Điều 2A đến 2I và Điều 4, được áp dụng vào ngày đó đối với các nước và tổ chức liên kết kinh tế khu vực đã là các Bên vào ngày Nghị định thư này bắt đầu có hiệu lực.

ĐIỀU 18: NHỮNG BẢO LƯU

Không có bảo lưu nào đối với Nghị định thư này.

ĐIỀU 19: XIN RA

Một Bên bất kỳ có thể xin ra khỏi Nghị định thư này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Phòng lưu chiểu vào bất cứ lúc nào sau bốn năm thực hiện các nghĩa vụ được qui định trong mục 1

của Điều 2A. Bất kỳ sự xin ra nào như vậy sẽ có hiệu lực khi hết một năm sau ngày Phòng lưu chiểu nhận được văn bản xin ra hoặc vào ngày muộn hơn như được xác định trong thông báo xin ra.

ĐIỀU 20: CÁC VĂN BẢN XÁC THỰC

Bản gốc của Nghị định thư này, trong đó các văn bản bằng tiếng Ả Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều là xác thực như nhau, sẽ được lưu nộp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN ĐÃ CHỨNG KIẾN
VÀ KÝ NGHỊ ĐỊNH THƯ NÀY.

LÀM TẠI MONTREAL NGÀY MƯỜI SÁU THÁNG
CHÍN NĂM MỘT NGHÌN CHÍN TRĂM TÁM BẢY.

* Những tiềm năng làm suy giảm ôzôn này là những ước lượng dựa trên hiểu biết hiện tại và thường kỳ sẽ được xem xét và đánh giá lại.

PHỤ LỤC A: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT

Nhóm	Chất	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn
<i>Nhóm I</i>		
	CFCl ₃	(CFC - 11) 1,0
	CF ₂ Cl ₂	(CFC - 12) 1,0
	C ₂ F ₃ Cl ₃	(CFC - 113) 0,8
	C ₂ F ₄ Cl ₂	(CFC - 114) 1,0
	C ₂ F ₅ Cl	(CFC - 115) 0,6
<i>Nhóm II</i>		
	CF ₂ BrCl	(halon - 1211) 3,0
	CF ₃ Br	(halon - 1301) 10,0
	C ₂ F ₄ Br ₂	(halon - 2402) 6,0

PHỤ LỤC B: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT

Nhóm	Chất	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn
<i>Nhóm I</i>		
	CF ₃ Cl	(CFC - 13) 1,0
	C ₂ FCl ₅	(CFC - 111) 1,0
	C ₂ F ₂ Cl ₄	(CFC - 112) 1,0
	C ₃ FCl ₇	(CFC - 211) 1,0
	C ₃ F ₂ Cl ₆	(CFC - 212) 1,0
	C ₃ F ₃ Cl ₅	(CFC - 213) 1,0
	C ₃ F ₄ Cl ₄	(CFC - 214) 1,0
	C ₃ F ₅ Cl ₃	(CFC - 215) 1,0
	C ₃ F ₆ Cl ₂	(CFC - 216) 1,0
	C ₃ F ₇ Cl	(CFC - 217) 1,0

Nhóm II

CCl ₄	carbon tetrachloride	1,1
------------------	----------------------	-----

Nhóm III

C ₂ H ₃ Cl ₃ *	1,1,1-trichloroethane* (methyl chloroform)	0,1
---	---	-----

* Công thức này không tham chiếu tới 1,1,2-trichloroethane.

PHỤ LỤC C: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT

Nhóm	Chất	Số đồng phân	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn
<i>Nhóm I</i>			
	CHFCl ₂ (HCFC - 21)**	1	0,04
	CHF ₂ Cl ₂ (HCFC - 22)**	1	0,055
	CH ₂ FCI (HCFC - 31)	1	0,02
	C ₂ HFCl ₄ (HCFC - 121)	2	0,01-0,04
	C ₂ HF ₂ Cl ₃ (HCFC - 122)	3	0,02 - 0,08
	C ₂ HF ₃ Cl ₂ (HCFC - 123)	3	0,02 - 0,06
	CHCl ₂ CF ₃ (HCFC - 123)**	-	0,02
	C ₂ HF ₄ Cl (HCFC - 124)	2	0,02 - 0,04
	CHFClCF ₃ (HCFC - 124)**	-	0,022

C ₂ H ₂ FCI ₃	(HCFC - 131)	3	0,007 - 0,05
C ₂ H ₂ F ₂ Cl ₂	(HCFC - 132)	4	0,008 - 0,05
C ₂ H ₂ F ₃ Cl	(HCFC - 133)	3	0,02 - 0,06
C ₂ H ₃ FCI ₂	(HCFC - 141)	3	0,005 - 0,07
CH ₃ CFCl ₂	(HCFC-141b)**	-	0,11
C ₂ H ₃ F ₂ Cl	(HCFC - 142)	3	0,008 - 0,07
CH ₃ CF ₂ Cl	(HCFC-142b)**	-	0,065
C ₂ H ₄ FCI	(HCFC - 151)	2	0,003-0,005

PHỤ LỤC C: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Nhóm	Chất	Số đồng phân	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn
	C ₃ HFCl ₆ (HCFC - 221)	5	0,015 - 0,07
	C ₃ HF ₂ Cl ₅ (HCFC - 222)	9	0,01 - 0,09
	C ₃ HF ₃ Cl ₄ (HCFC - 223)	12	0,01 - 0,08
	C ₃ HF ₄ Cl ₃ (HCFC - 224)	12	0,01 - 0,09
	C ₃ HF ₅ Cl ₂ (HCFC - 225)	9	0,02 - 0,07
	CF ₃ CF ₂ CHCl ₂ (HCFC-225ca)**	-	0,025
	CF ₂ ClCF ₂ CHClF (HCFC-225cb)**	-	0,033
	C ₃ HF ₆ Cl (HCFC - 226)	5	0,02-0,10
	C ₃ H ₂ FCI ₅ (HCFC - 231)	9	0,05-0,09
	C ₃ H ₂ F ₂ Cl ₄ (HCFC - 232)	16	0,008-0,10

C ₃ H ₂ F ₃ Cl ₃	(HCFC - 233)	18	0,007-0,23
C ₃ H ₂ F ₄ Cl ₂	(HCFC - 234)	16	0,01-0,28
C ₃ H ₂ Cl ₅ Cl	(HCFC - 235)	9	0,03-0,52
C ₃ H ₃ FCl ₄	(HCFC - 241)	12	0,004-0,09
C ₃ H ₃ F ₂ Cl ₃	(HCFC - 242)	18	0,005-0,13
C ₃ H ₃ F ₃ Cl ₂	(HCFC - 243)	18	0,007-0,12
C ₃ H ₃ F ₄ Cl	(HCFC - 244)	12	0,009-0,14

PHỤ LỤC C: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Nhóm	Chất	Số đồng phân	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn	
	C ₃ H ₄ FCl ₃	(HCFC - 251)	12	0,001-0,01
	C ₃ H ₄ F ₂ Cl ₂	(HCFC - 252)	16	0,005-0,04
	C ₃ H ₄ F ₃ Cl	(HCFC - 253)	12	0,003-0,03
	C ₃ H ₅ FCl ₂	(HCFC - 261)	9	0,002-0,02
	C ₃ H ₅ F ₂ Cl	(HCFC - 262)	9	0,002-0,02
	C ₃ H ₆ FCl	(HCFC - 271)	5	0,001-0,03
<i>Nhóm II</i>				
	CH ₂ Br ₂		1	1,00

CHF ₂ Br	(HBFC - 22B1)	1	0,74
CH ₂ FBr		1	0,73
C ₂ HFBr ₄		2	0,3 - 0,8
C ₂ HF ₂ Br ₃		3	0,5-1,8
C ₂ HF ₃ Br ₂		3	0,4-1,6
C ₂ HF ₄ Br		2	0,7-1,2
C ₂ H ₂ FBr ₃		3	0,1-1,1
C ₂ H ₂ F ₂ Br ₂		4	0,2-1,5
C ₂ H ₂ F ₃ Br		3	0,7-1,6

PHỤ LỤC C: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Nhóm	Chất	Số đồng phân	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn	
	C ₂ H ₃ FBr ₂		3	0,1-1,7
	C ₂ H ₃ F ₂ Br		3	0,2-1,1
	C ₂ H ₄ FBr		2	0,07-0,1
	C ₃ HFBr ₆		5	0,3-1,5
	C ₃ HF ₂ Br ₅		9	0,2-1,9
	C ₃ HF ₃ Br ₄		12	0,3-1,8
	C ₃ HF ₄ Br ₃		12	0,5-2,2
	C ₃ HF ₅ Br ₂		9	0,9-2,0
	C ₃ HF ₆ Br		5	0,7-3,3

C ₃ H ₂ FBr ₅	9	0,1-1,9
C ₃ H ₂ F ₂ Br ₄	16	0,2-2,1
C ₃ H ₂ F ₃ Br ₃	18	0,2-5,6
C ₃ H ₂ F ₄ Br ₂	16	0,3-7,5
C ₃ H ₂ F ₅ Br	8	0,9-1,4
C ₃ H ₃ FBr ₄	12	0,08-1,9
C ₃ H ₃ F ₂ Br ₃	18	0,1-3,1
C ₃ H ₃ F ₃ Br ₂	18	0,1-2,5
C ₃ H ₃ F ₄ Br	12	0,3-4,4

PHỤ LỤC C: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Nhóm	Chất	Số đồng phân	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn
	C ₃ H ₄ FBr ₃	12	0,03-0,3
	C ₃ H ₄ F ₂ Br ₂	16	0,1-1,0
	C ₃ H ₄ F ₃ Br	12	0,07-0,8
	C ₃ H ₅ FBr ₂	9	0,04-0,4
	C ₃ H ₅ F ₂ Br	9	0,07-0,8
	C ₃ H ₆ FBr	5	0,02-0,7

Nhóm III

CH ₂ BrCl	bromochloromethane	1	0.12
----------------------	--------------------	---	------

* Những nơi khoảng tiềm năng làm suy giảm ôzôn (ODP) được chỉ dẫn, giá trị cao nhất trong khoảng đó sẽ được sử dụng cho mục đích của Nghị định thư này. Các ODP được đưa ra như là giá trị đơn nhất được xác định từ những tính toán dựa trên các đo lường phòng thí nghiệm. Các ODP được đưa ra như là một khoảng được dựa trên những ước lượng và kém chắc chắn hơn. Khoảng đó thích hợp với một nhóm các chất đồng phân. Giá trị cao là ước lượng của ODP của chất đồng phân với ODP cao nhất, và giá trị thấp hơn là ước lượng của ODP của chất đồng phân với ODP thấp nhất.

** Xác định những chất sẵn nhất về mặt thương mại với giá trị ODP ứng với chúng được sử dụng cho mục đích của Nghị định thư này.

PHỤ LỤC D*: DANH SÁCH CÁC SẢN PHẨM CHỨA CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT NÊU TRONG PHỤ LỤC A**

Các sản phẩm	Mã số hải quan
1. Bộ phận điều hoà không khí ô tô và xe tải (dù được gắn nhập trong xe hay không)
2. Máy lạnh gia đình và thương mại và các thiết bị điều hoà không khí, bơm nhiệt ***
Ví dụ: Máy lạnh
Máy làm đá
Máy hút ẩm
Máy làm mát nước
Máy làm kem

Máy điều hoà không khí và máy bơm nhiệt
3. Các sản phẩm sơn khí, trừ các sơn khí y tế
4. Các bình dập lửa cầm tay
5. Các bảng, tấm cách nhiệt và vật liệu bao bọc ống dẫn
6. Các tiền polime
* Phụ lục này được cuộc họp lần thứ ba của các Bên thông qua tại Nairôbi, 21 tháng 6 năm 1991 theo yêu cầu ở mục 3 của Điều 4 của Nghị định thư.	
** Mặc dù khi được vận chuyển trong việc giao hàng của cá nhân hoặc gia đình hay trong những tình thế phi thương mại tương tự không được miễn trừ xem xét hải quan.	
*** Khi chứa các chất được kiểm soát trong Phụ lục A như môi chất lạnh và/ hoặc trong vật liệu cách ly của sản phẩm đó.	

PHỤ LỤC E: CÁC CHẤT BỊ KIỂM SOÁT

Nhóm	Chất	Tiềm năng làm suy giảm ôzôn
------	------	-----------------------------

Nhóm I

CH₃Br Methyl bromide 0,6